

# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN



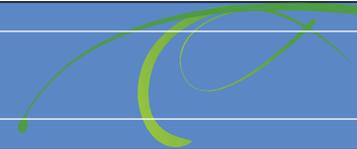
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

# 2008



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)  
Thành Viên Tập Đoàn Kiểm Toán BDO Toàn Cầu





MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
● <u>Bảng cân đối kế toán</u>	<u>6 - 9</u>
● <u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>	<u>10</u>
● <u>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</u>	<u>11 - 12</u>
● <u>Thuyết minh báo cáo tài chính</u>	<u>13 - 25</u>



**Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.**

## 1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 ngày 23 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần 01 ngày 09 tháng 6 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (vốn điều lệ 7,66 tỷ đồng), thay đổi lần 2 ngày 09 tháng 03 năm 2006 (vốn điều lệ 25,5 tỷ đồng) và thay đổi lần 3 ngày 29 tháng 12 năm 2007 (vốn điều lệ 51 tỷ đồng).

## 2. CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.

Các thành viên của Ban Điều hành Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Ông	Trần Tấn Phúc	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Văn Lộc	Phó chủ tịch
Ông	Dương Mạnh Trung	Ủy viên
Ông	Nguyễn Mạnh Ứng	Ủy viên
Ông	Phạm Duy Đông	Ủy viên
Ông	Phạm Anh Tuấn	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Tâm Trinh	Ủy viên

Thành viên Ban Điều hành trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Ông	Trần Tấn Phúc	Tổng giám đốc
Ông	Dương Mạnh Trung	Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Mạnh Ứng	Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Trương Ngọc Tường	Kỹ sư Trưởng
Bà	Nguyễn Thị Tâm Trinh	Giám Đốc Tài chính - Nhân sự
Ông	Phạm Duy Đông	Giám Đốc Kỹ thuật
Ông	Phạm Anh Tuấn	Giám Đốc Dự án

## 3. TRỤ SỞ

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh phía Bắc của Công ty đặt tại Nhà số 21 Tập thể Bệnh viện Nội Tiết, đường Láng Hạ - Thanh Xuân kéo dài, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.



## 4. HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, hoạt động chính của Công ty là:

- Khảo sát và tư vấn công trình cảng - kỹ thuật Biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Khảo sát mạng lưới giao thông vận tải thủy.
- Khảo sát và tư vấn các hạng mục hạ tầng cơ sở liên quan đến các công trình cảng - kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định các công trình chuyên ngành.
- Xây dựng thực nghiệm các công trình giao thông vận tải.
- Thiết kế các công trình giao thông (cảng, đường thủy).
- Thiết kế các công trình thủy.
- Thiết kế các công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông).
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

## 5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

## 6. CÁC KHOẢN BẤT THƯỜNG VÀ SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

## 7. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán (AFC) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty.

## 8. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành Công ty được yêu cầu:



Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

### 9. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2009

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**TRẦN TẤN PHÚC**

Số: 00126/2009/BCKT-AFC

TPHCM, ngày 19 tháng 01 năm 2009

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008  
của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển

**Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 25 kèm theo. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Điều hành. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến kiểm toán**

Tuy nhiên, ý kiến chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

Như đã nêu ở thuyết minh báo cáo tài chính mục 5.6 và 5.16, đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có các khoản công nợ với Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải phía Nam (Tedi South) là số tạm tính với khoản phải thu là 7.056.110.180 VNĐ và khoản phải trả là 7.759.994.656 VNĐ.

Vì vậy, nếu có sự thay đổi nào về các khoản công nợ này thì có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính bởi các vấn đề nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu cùng với các tài liệu được cung cấp bởi Công ty, các Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**VŨ THỊ THỌ**

Chứng chỉ KTV số: D.0065/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**

Chứng chỉ KTV số: 1180/KTV

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

Tài Sản	Mã Số	Thuyết Minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>124.495.635.390</b>	<b>102.963.174.889</b>
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>110</b>		<b>20.075.462.501</b>	<b>4.081.954.989</b>
Tiền	111	5.1	20.075.462.501	4.081.954.989
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>	<b>120</b>	5.2	<b>27.214.298.330</b>	<b>55.159.250.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		27.214.298.330	55.159.250.000
Dự phòng đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>	<b>130</b>		<b>39.955.857.016</b>	<b>21.548.160.243</b>
Phải thu khách hàng	131	5.3	2.234.693.025	3.261.579.446
Trả trước cho người bán	132		2.492.475.147	2.802.604.225
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.3	35.228.688.844	15.483.976.572
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>HÀNG TỒN KHO</b>	<b>140</b>		<b>30.018.421.766</b>	<b>12.509.583.718</b>
Hàng tồn kho	141	5.4	30.018.421.766	12.509.583.718
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>150</b>		<b>7.231.595.777</b>	<b>9.664.225.939</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		477.603.731	206.891.882
Thuế GTGT được khấu trừ	152		288.694.548	166.503.647
Thuế và các khoản khác phải thu N. Nước	154	5.5	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.465.297.498	9.290.830.410



Đơn vị: VND

Tài Sản	Mã Số	Thuyết Minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>62.007.713.582</b>	<b>42.369.682.006</b>
<b>CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN</b>	<b>210</b>		<b>7.056.110.180</b>	<b>7.056.110.180</b>
Khoản phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.6	7.056.110.180	7.056.110.180
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213	5.2	-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>220</b>		<b>48.227.085.741</b>	<b>29.943.387.608</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	<b>19.531.248.035</b>	<b>12.242.991.913</b>
- Nguyên giá	222		30.481.510.256	20.406.257.645
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.950.262.221)	(8.163.265.732)
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	<b>13.661.382.889</b>	<b>4.423.685.695</b>
- Nguyên giá	228		14.728.200.803	4.948.181.287
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.066.817.914)	(524.495.592)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.9	<b>15.034.454.817</b>	<b>13.276.710.000</b>
<b>CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>	<b>250</b>		<b>5.841.999.000</b>	<b>4.911.999.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		2.386.292.000	1.466.292.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	3.445.707.000	3.445.707.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>260</b>		<b>882.518.661</b>	<b>458.185.218</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	882.518.661	458.185.218
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>186.503.348.972</b>	<b>145.332.856.895</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

Nguồn Vốn	Mã Số	Thuyết Minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>116.208.211.771</b>	<b>80.349.907.262</b>
<b>NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>310</b>		<b>108.093.282.551</b>	<b>72.370.214.750</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312	5.12	1.854.802.524	588.120.759
Người mua trả tiền trước	313		91.031.552.259	54.504.885.098
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	8.028.322.130	14.224.557.258
Phải trả người lao động	315		1.203.182.900	1.007.753.432
Chi phí phải trả	316	5.14	294.441.809	294.441.809
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	5.680.980.929	1.750.456.394
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>NỢ DÀI HẠN</b>	<b>330</b>		<b>8.114.929.220</b>	<b>7.979.692.512</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	5.16	7.759.994.656	7.784.782.668
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		354.934.564	194.909.844
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-



Đơn vị: VND

Tài Sản	Mã Số	Thuyết Minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>70.295.137.201</b>	<b>64.982.949.633</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>410</b>	5.17	<b>61.045.496.408</b>	<b>59.631.832.363</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		51.000.000.000	51.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.160.000.000	2.310.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.010.000.000	1.510.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.875.496.408	4.811.832.363
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC</b>	<b>430</b>		<b>9.249.640.793</b>	<b>5.351.117.270</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		9.249.640.793	5.351.117.270
Nguồn kinh phí			-	-
<b>CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>186.503.348.972</b>	<b>145.332.856.895</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết Minh	31/12/2008	01/01/2008
Tài sản thuê ngoài	24	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		33.213,47	155.426,21
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

  
NGÔ NGỌC THU NHAN

GIÁM ĐỐC TC-NS

  
NGUYỄN THỊ TÂM TRINH

Ngày 07 tháng 01 năm 2009  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
  
  
TRẦN TẤN PHÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN  
BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ</b>	01	6.1	<b>85.479.199.463</b>	<b>115.055.134.256</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ</b>	10		<b>85.479.199.463</b>	<b>115.055.134.256</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	57.194.850.471	52.856.897.970
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	20		<b>28.284.348.992</b>	<b>62.198.236.286</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.374.114.696	212.498.222
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	43.847.119	27.065.036
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.521.917.862	8.584.855.585
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>17.092.698.707</b>	<b>53.798.813.887</b>
Thu nhập khác	31		-	299.000.000
Chi phí khác	32		83.375.278	317.736.362
<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(83.375.278)</b>	<b>(18.736.362)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>17.009.323.429</b>	<b>53.780.077.525</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	2.381.305.280	7.529.210.854
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>14.628.018.149</b>	<b>46.250.866.671</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		28.682	181.376

Ngày 07 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TC-NS

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ NGỌC THU NHAN

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH

TRẦN TẤN PHÚC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã Số	2008	2007
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	131.355.634.600	151.381.381.162
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	<b>(48.896.199.723)</b>	<b>(30.877.215.526)</b>
Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.472.745.682)	(16.365.852.686)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	(37.410.000)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(8.682.403.161)	(588.362.432)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	12.625.658.858
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(60.244.127.528)	(25.614.787.989)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(7.939.841.494)</b>	<b>90.523.411.387</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.521.696.434)	(5.182.359.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(65.664.436.830)	(69.987.655.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	104.093.652.267	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(803.915.385)	(1.211.292.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.028.116.196	92.550.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>34.131.719.814</b>	<b>(76.288.756.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(8.000.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.421.238.600)	(7.431.177.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.421.238.600)</b>	<b>(15.431.177.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>19.770.639.720</b>	<b>(1.196.521.613)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>-</b>	<b>5.278.476.602</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	304.822.781	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>20.075.462.501</b>	<b>4.081.954.989</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo Phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã Số	2008	2007
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	<b>17.009.323.429</b>	<b>53.780.077.525</b>
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.835.946.587	3.121.138.633
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(293.004.381)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.512.379.963)	(92.550.000)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	<b>8.039.885.672</b>	<b>56.808.666.158</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15.704.354.762)	(4.096.790.944)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(17.508.838.048)	7.015.007.101
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	22.528.959.108	33.258.605.491
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(695.045.292)	55.168.743
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.682.403.161)	(588.362.432)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(1.928.882.730)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(12.021.796.483)</b>	<b>90.523.411.387</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.521.696.434)	(5.182.359.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(65.664.436.830)	(69.987.655.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	104.093.652.267	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(803.915.385)	(1.211.292.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.028.116.196	92.550.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>34.131.719.814</b>	<b>(76.288.756.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành CP nhận vốn góp của chủ SH	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(8.000.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	34	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35	(6.421.238.600)	(7.431.177.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(6.421.238.600)</b>	<b>(15.431.177.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50	<b>15.688.684.731</b>	<b>(1.196.521.613)</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	<b>4.081.954.989</b>	<b>5.278.476.602</b>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	61	304.822.781	-
	70	<b>20.075.462.501</b>	<b>4.081.954.989</b>

Ngày 07 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TC-NS

TRƯỞNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TẤN PHÚC

NGÔ NGỌC THU NHAN

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH



**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển là doanh nghiệp hoạt động độc lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 ngày 23 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 1 vào ngày 09 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 09 tháng 03 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 29 tháng 12 năm 2007.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 được thay đổi lần 03 ngày 29 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thì vốn điều lệ của Công ty là 51 tỷ đồng.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khảo sát và tư vấn công trình cảng - kỹ thuật Biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Khảo sát mạng lưới giao thông vận tải thủy.
- Khảo sát và tư vấn các hạng mục hạ tầng cơ sở liên quan đến các công trình cảng - kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Tư vấn lập hồ sơ môi trường, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định các công trình chuyên ngành.
- Xây dựng thực nghiệm các công trình giao thông vận tải.
- Thiết kế các công trình giao thông (cảng, đường thủy).
- Thiết kế các công trình thủy.
- Thiết kế các công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông).
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

Công ty có Văn phòng chính đặt tại số 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh phía Bắc của công ty đặt tại Nhà số 21 Tập thể Bệnh viện Nội Tiết, đường Láng Hạ - Thanh Xuân kéo dài, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 229 người, trong đó số nhân viên quản lý là 08 người.

**2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 4.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

### 4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu.....: Giá thực tế đích danh của chi phí nguyên vật liệu đó
- Sản phẩm dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

### 4.4 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
- Máy móc, thiết bị	3 - 8
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	
- Quyền sử dụng đất	Vô thời hạn
- Phần mềm máy tính	3 - 6



### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết theo nguyên tắc giá gốc trên tỉ lệ vốn cổ phần của đơn vị nhận đầu tư.

Đầu tư vào công ty con khi công ty Mẹ chi phối quyền biểu quyết công ty con. Công ty có các Công ty con như sau

	Tỷ lệ góp vốn	Số tiền
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Phước Chánh	70%	548.292.000
Công ty TNHH Địa kỹ thuật & Giao thông Anh Vũ	51%	408.000.000
Công ty TNHH Thương mại & DV Tin học X.C.O.M	70%	1.400.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Truyền thông Toàn Cầu	51%	30.000.000
		<b>2.386.292.000</b>

### 4.6 Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 4.7 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần: Là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu: Là vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế hoặc được tặng, biếu, viện trợ, nhưng chưa tính cho từng cổ đông.

#### Cổ đông sáng lập

	Đại diện vốn cổ đông	Số cổ phần	Số tiền
Ông	Trần Tấn Phúc	98.284	9.828.400.000
Ông	Đỗ Nguyên Chi	36.446	3.644.600.000
Ông	Dương Mạnh Trung	33.742	3.374.200.000
	Các cổ đông khác	341.528	34.152.800.000
		<b>510.000</b>	<b>51.000.000.000</b>

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

### 4.8 Doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận dựa trên phần công việc đã hoàn thành trong kỳ và được khách hàng xác nhận vào biên bản nghiệm thu. Công ty sẽ phát hành hóa đơn bán hàng căn cứ vào biên bản nghiệm thu từng phần trên cơ sở hợp đồng đã được ký kết.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**4.9 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán ..., khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**4.10 Thuế**

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp 28%:**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ QĐ số 3203/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2004 về việc chuyển Công ty thành công ty cổ phần, căn cứ điểm 2.a-điều 33 và điểm 2-điều 36 tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết về thi hành luật thuế TNDN, Công ty sẽ được miễn thuế trong hai năm 2005, 2006 và giảm 50% cho 3 năm tiếp theo (2007, 2008 và 2009).

Các tờ khai thuế của Công ty vẫn còn tùy thuộc kết quả kiểm tra của các Cơ quan thuế. Do việc áp dụng các luật lệ, quy định về thuế đối với nhiều loại hình giao dịch còn tùy thuộc vào các hướng dẫn khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được điều chỉnh căn cứ kết quả quyết toán của Cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.11 Khoản phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
Tiền mặt tại quỹ	(i) 249.712.692	278.742.346
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 19.825.749.809	3.803.212.643
<b>Cộng</b>	<b><u>20.075.462.501</u></b>	<b><u>4.081.954.989</u></b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2008 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam	249.712.692	
<b>Cộng</b>	<b><u>249.712.692</u></b>	



(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2008 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)		
Tại ngân hàng Vietcombank	11.582,80 #	196.641.196
Tại ngân hàng BIDV Hồ Chí Minh	294,38 #	4.997.689
Tại ngân hàng HSBC	21.336,29 #	362.226.195
Đồng Việt Nam		
Tại ngân hàng Vietcombank		1.064.287
Tại ngân hàng BIDV Hồ Chí Minh		99.018.940
Tại ngân hàng Eximbank		10.415.815
Tại ngân hàng HSBC		18.841.338.085
Tại ngân hàng NN&PTNT		310.047.602
<b>Cộng</b>		<b><u>19.825.749.809</u></b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	27.214.298.330 (*)	55.159.250.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>27.214.298.330</u></b>	<b><u>55.159.250.000</u></b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

**5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
Phải thu khách hàng	2.234.693.025 (*)	3.261.579.446
Trả trước cho người bán	2.492.475.147 (**)	2.802.604.225
Các khoản phải thu khác	35.228.688.844 (***)	15.483.976.572
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>39.955.857.016</u></b>	<b><u>21.548.160.243</u></b>

	<u>Số tiền</u>
(*) Chi tiết:	
Công ty Đóng tàu An Phú	462.700
Cảng Sài Gòn	200.000.000
Công ty Cổ phần XD - Sản xuất Tân Thành	570.000
Chi nhánh Tổng Công ty XD Đường Thủy	145.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1	1.200.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1	188.000.000
Công ty Đầu tư Phát triển GTVT (TRACODI)	41.945.400
Cảng SG & SSA Holdings International - Vietnam	130.000.000
PENTA-OCEAN CONSTRUCTION CO., LTD	262.421.925
Công ty CP Cảng Long Thành (LTPC)	66.293.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.234.693.025</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(**) Chi tiết:	Số tiền
Công ty CP TVTK - Kiểm định & Địa Kỹ thuật	100.000.000
Công ty CP TVTK - Kiểm định & Địa Kỹ thuật	100.000.000
Cao Thị Bảo Vân - Trần Minh Chí	224.985.000
Công ty TNHH TM & DV XCOM	1.276.143.439
Công ty TNHH XD TM DL Hồng Ngọc Hà	155.138.000
Khác	636.208.708
<b>Cộng</b>	<b>2.492.475.147</b>

(***) Chi tiết:	Số tiền
Công ty CP TVTK - Kiểm định & Địa Kỹ thuật	1.000.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Phước Chánh	340.000.000
Ban Quản lý Dự án Hàng Hải III	600.000.000
Công ty TNHH TM & DV Xcom	93.657.895
Công ty TNHH TV Truyền Thông Toàn Cầu	112.530.000
Viện Cảng - Kỹ Thuật Hàng Hải	200.000.000
Công ty 508	3.000.000.000
Công ty TNHH Địa Kỹ thuật và Giao thông Anh Vũ	200.000.000
Chi nhánh phía Bắc	37.400.000
Chi tiết phải thu/trả khác trong kỳ	1.372.091.000
Phải thu lại công đoàn	67.056.698
Khác	816.500.000
Phải thu của cán bộ công nhân viên	27.389.453.251
<b>Cộng</b>	<b>35.228.688.844</b>

5.4 Hàng tồn kho	31/12/2008	01/01/2008
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.018.421.766 (*)	12.509.583.718
Thành phẩm	-	-
Hàng hoá bất động sản	-	-
<b>Cộng</b>	<b>30.018.421.766</b>	<b>12.509.583.718</b>

(*) Chi tiết:	Số tiền
TK chi tiết Cảng XSP NMLD Dung Quất	5.988.956.578
CC dự KS, TK chi tiết Dè CS Dung Quất	1.279.650.540
KSDC Cảng Thép Liên hợp Posco Vũng Áng Văn Phong	1.169.815.248
KS, Lập DAĐT- Cụm kho Cảng Container - Đình Vũ	909.504.898
KSDC, ĐT Cảng Thép Liên hợp Posco Văn Phong	1.722.402.297
TV, KS, TKKT - Cảng trung chuyển QT Văn Phong	3.417.083.895
Nghiên cứu nạo vét thử nghiệm GD2 Luồng Soài Rạp	2.331.649.000
Khác	13.199.359.310
<b>Cộng</b>	<b>30.018.421.766</b>

5.5 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
Chi phí trả trước ngắn hạn	477.603.731	206.891.882
Thuế GTGT được khấu trừ	288.694.548	166.503.647
Thuế & các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	6.465.297.498 (*)	9.290.830.410
<b>Cộng</b>	<b>7.231.595.777</b>	<b>9.664.225.939</b>

(\*) Đây là chi phí tạm ứng cho cán bộ công nhân viên thực hiện hợp đồng



### 5.6 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
Ký quỹ ký cược dài hạn	-	-
Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-
Cho vay không có lãi	-	-
Phải thu dài hạn khác	7.056.110.180 (*)	7.056.110.180
<b>Cộng</b>	<b>7.056.110.180</b>	<b>7.056.110.180</b>

(\*) Theo "Hồ sơ xác nhận giá trị sản lượng đã thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2004 của các hợp đồng kinh tế từ ngày 31 tháng 12 năm 2004 trở về trước" được ký giữa Công ty và Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải Phía Nam (Tedi South), đây là số chênh lệch giữa giá trị thực hiện hoàn thành của Công ty và Tổng giá trị đã được Tedi South tạm ứng đến ngày 31 tháng 12 năm 2004.

### 5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối năm
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Máy móc thiết bị	15.598.015.562	4.623.776.907	1.330.109.322	18.891.683.147
Phương tiện vận tải	4.808.242.083	7.999.851.150	1.218.266.124	11.589.827.109
Thiết bị văn phòng	-	-	-	-
TSCĐ hữu hình khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.406.257.645</b>	<b>12.623.628.057</b>	<b>2.548.375.446</b>	<b>30.481.510.256</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Máy móc thiết bị	6.804.839.810	3.039.785.921	1.246.734.044	8.597.891.687
Phương tiện vận tải	1.358.425.922	1.192.264.567	198.319.955	2.352.370.534
Thiết bị văn phòng	-	-	-	-
TSCĐ hữu hình khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.163.265.732</b>	<b>4.232.050.488</b>	<b>1.445.053.999</b>	<b>10.950.262.221</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Máy móc thiết bị	8.793.175.752	-	-	10.293.791.460
Phương tiện vận tải	3.449.816.161	-	-	9.237.456.575
Thiết bị văn phòng	-	-	-	-
TSCĐ hữu hình khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.242.991.913</b>			<b>19.531.248.035</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối năm
Quyền sử dụng đất	2.476.200.000	8.152.902.100	-	10.629.102.100
Phần mềm máy tính	2.471.981.287	1.627.117.416	-	4.099.098.703
<b>Cộng</b>	<b>4.948.181.287</b>	<b>9.780.019.516</b>	-	<b>14.728.200.803</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm máy tính	524.495.592	542.322.322	-	1.066.817.914
<b>Cộng</b>	<b>524.495.592</b>	<b>542.322.322</b>	-	<b>1.066.817.914</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Quyền sử dụng đất	2.476.200.000			10.629.102.100
Phần mềm máy tính	1.947.485.695			3.032.280.789
<b>Cộng</b>	<b>4.423.685.695</b>			<b>13.661.382.889</b>

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2008	01/01/2008
<b>Tổng số chi phí XDCB dở dang:</b>	<b>15.034.454.817</b>	<b>13.276.710.000</b>
Công trình xây dựng cơ bản Căn nhà Số 328 Nguyễn Trọng Tuyển, P.2, Q.Tân Bình, HCM	15.034.454.817	13.276.710.000

**5.10 Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2008	01/01/2008
Đầu tư vào công ty con	2.386.292.000 (*)	1.466.292.000
Công ty CP tiếp nhận và phân phối cảng Cái Mép Thị Vải	10.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác - Cổ phiếu	3.445.707.000 (**)	3.445.707.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.841.999.000</b>	<b>4.911.999.000</b>

(\*) Bao gồm đầu tư vào các Công ty sau

	Tỷ lệ góp vốn	Số tiền
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Phước Chánh	70%	548.292.000
Công ty TNHH Địa kỹ thuật & Giao thông Anh Vũ	51%	408.000.000
Công ty TNHH Thương mại & DV Tin học X.C.O.M	70%	1.400.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Truyền thông Toàn Cầu	51%	30.000.000
		<b>2.386.292.000</b>

(\*\*) Đây là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Tư vấn Xây dựng Cảng - Đường thủy với 181.353 cổ phiếu với giá mua là 19.000 VND/CP, tương đương 21,1% tổng số cổ phần phát hành lần đầu.



**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2008	01/01/2008
Chi phí sửa chữa văn phòng	750.457.935	206.891.882
Chi phí sửa chữa MMTB	132.060.726	-
<b>Cộng</b>	<b>882.518.661</b>	<b>206.891.882</b>

**5.12 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	31/12/2008	01/01/2008
Phải trả người bán	1.854.802.524 (*)	588.120.759
Người mua trả tiền trước	91.031.552.259 (**)	54.504.885.098
<b>Cộng</b>	<b>92.886.354.783</b>	<b>55.093.005.857</b>

(*) Chi tiết:	Số tiền
Xí Nghiệp Vật tư Vận tải Phú An	43.364.000
Công ty CP TVTK - Kiểm định & Địa Kỹ thuật	880
Công ty TNHH Địa Kỹ thuật và Giao thông Anh Vũ	102.971.000
Liên đoàn Bản đồ Địa chính Miền Nam	266.190.000
Công ty TNHH Xây Dựng Tân Việt Tín	317.208.397
Pan Formosa Engineering	236.052.632
Công ty TNHH TM & DV XCOM	541.561.156
Công ty TNHH Một TV XDMDTV Nguyễn Thành Trung	208.159.122
Công ty TNHH TM DV KT Hoàng Đại An	119.769.337
Công ty CP XD Công Trình Giao Thông 610	19.526.000
	<b>1.854.802.524</b>

(**) Chi tiết:	Số tiền
Công ty Phát triển Công Nghiệp Tân Thuận	19.146.496.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Hiệp Phước	3.130.000.000
Ban Quản lý Dự án Hàng Hải III	8.500.000.000
BQL DA - Nhà Máy Lọc Dầu Dung Quất	24.614.323.233
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT)	3.640.988.836
Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển Gemadept	2.314.947.576
Posco	11.514.392.000
Công ty CP DV XD Việt Nam (PETROVINA)	1.113.000.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	3.520.000.000
Khác	13.537.404.614
	<b>91.031.552.259</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2008	01/01/2008
Thuế giá trị gia tăng	881.238.484	4.314.452.170
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	643.819.645	6.940.848.422
Thuế thu nhập cá nhân	6.489.665.977	2.959.866.666
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	13.598.024	9.390.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.028.322.130</b>	<b>14.224.557.258</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.14 Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
Chi phí phải trả thầu phụ	294.441.809	294.441.809
<b>Cộng</b>	<b><u>294.441.809</u></b>	<b><u>294.441.809</u></b>

**5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	1.100.113.814	244.567.716
Bảo hiểm y tế	188.746.272	37.901.663
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.392.120.843 (*)	1.317.987.015
<b>Cộng</b>	<b><u>5.680.980.929</u></b>	<b><u>1.600.456.394</u></b>

(\*) Chi tiết:

	<b>Số tiền</b>
Công ty TNHH Đầu tư XD Thương mại Sài Gòn	150.000.000
Phải trả khác	28.933.333
Công ty CP Chứng Khoán Biển Việt	28.516.110
Bảo hiểm xã hội	7.000.000
Chi tiết Phải trả cho CBNV	3.577.671.400
Chi tiết phải thu/trả ứng trước CĐT	600.000.000
	<b><u>4.392.120.843</u></b>

**5.16 Phải trả dài hạn**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
Chi tiết phải thu/trả tiền trình Nthư	7.597.950.180	7.056.110.180
Chi tiết phải thu/trả khác (CBNV-DH)	162.044.476 (*)	279.851.490
<b>Cộng</b>	<b><u>7.759.994.656</u></b>	<b><u>7.335.961.670</u></b>

(\*) Tương tự như các khoản phải thu dài hạn khác, đây cũng là các khoản công nợ với Tedi South xuất phát từ tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển trực thuộc Tedi South.

**5.17 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>01/01/2007</b>	<b>25.500.000.000</b>	<b>2.812.307.692</b>	<b>28.312.307.692</b>
- Tăng vốn trong năm trước	25.500.000.000	-	25.500.000.000
- Lãi trong năm trước	-	46.250.866.671	46.250.866.671
- Phân phối quỹ KT PL	-	10.560.000.000	10.560.000.000
- Chi cổ tức trong năm	-	33.642.162.000	33.642.162.000
- Giảm khác	-	49.180.000	49.180.000
<b>31/12/2007</b>	<b>51.000.000.000</b>	<b>4.811.832.363</b>	<b>55.811.832.363</b>



	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>01/01/2008</b>	<b>51.000.000.000</b>	<b>4.811.832.363</b>	<b>55.811.832.363</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	14.628.018.149	14.628.018.149
- Phân phối quỹ	-	6.850.000.000	6.850.000.000
- Chi cổ tức trong năm	-	7.650.000.000	7.650.000.000
- Giảm khác	-	64.354.104	64.354.104
<b>31/12/2008</b>	<b>51.000.000.000</b>	<b>4.875.496.408</b>	<b>55.875.496.408</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của đối tượng khác	51.000.000.000	51.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>51.000.000.000</u></b>	<b><u>51.000.000.000</u></b>
Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm:	0	VND
Số lượng cổ phiếu quỹ:	0	Cổ phiếu

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>51.000.000.000</b>	<b>51.000.000.000</b>
Vốn góp đầu năm	51.000.000.000	51.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	51.000.000.000	51.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b><u>7.650.000.000</u></b>	<b><u>33.642.162.000</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>58.650.000.000</u></b>	<b><u>84.642.162.000</u></b>

(\*) Tạm chia cổ tức với tỷ lệ 15% vốn sở hữu theo Biên bản họp HĐQT số 1530/CKTB-HCQT ngày 28/11/2008. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu) 100.000 VND

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
Quỹ đầu tư phát triển	3.160.000.000	2.310.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	2.010.000.000	1.510.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.170.000.000	3.820.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	9.249.640.793	5.351.117.270
<b>Cộng</b>	<b><u>14.419.640.793</u></b>	<b><u>9.171.117.270</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN  
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>85.479.199.463</b>	<b>115.055.134.256</b>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	85.479.199.463	115.055.134.256

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		

**6.3 Doanh thu thuần**

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>85.479.199.463</b>	<b>115.055.134.256</b>
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	-	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	85.479.199.463	115.055.134.256

**6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	57.194.850.471	52.856.897.970
<b>Cộng</b>	<b>57.194.850.471</b>	<b>52.856.897.970</b>

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.819.639.596	212.498.222
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	336.851.500	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	217.623.600	-
<b>Cộng</b>	<b>3.374.114.696</b>	<b>212.498.222</b>

**6.6 Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.028.719	27.065.036
Chi phí tài chính khác	11.818.400	-
<b>Cộng</b>	<b>43.847.119</b>	<b>27.065.036</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Chi phí Lương Nhân viên Quản lý	7.579.704.057	5.809.071.669
Chi phí vật liệu văn phòng	205.956.418	13.205.253
Thuế phí và lệ phí	1.960.142.801	1.487.682.066
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	476.219.387	621.757.616
Chi phí bằng tiền khác	4.299.895.199	609.473.552
<b>Cộng</b>	<b>14.521.917.862</b>	<b>8.584.855.585</b>



**6.8 Chi phí khác**

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	83.375.278	315.736.362
Chi phí khác	-	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>83.375.278</b>	<b>317.736.362</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.381.305.280	7.529.210.854
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.381.305.280</b>	<b>7.529.210.854</b>

**6.10 Thông tin so sánh**

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của công ty

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2007
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định / Tổng tài sản	33,25%	29,15%
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	66,75%	70,85%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	62,31%	55,29%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	37,69%	44,71%
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	1,6 lần	1,81 lần
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,15 lần	1,42 lần
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	0,19 lần	0,06 lần
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	19,14%	46,54%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	16,46%	40,02%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	9,12%	37,00%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	7,84%	31,82%
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	23,96%	77,56%

Ngày 07 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGÔ NGỌC THU NHAN

GIÁM ĐỐC TC-NS

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TẤN PHÚC